

TĂNG CƯỜNG PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN GIỮA CẤP ĐỊA PHƯƠNG VÀ CẤP QUỐC GIA

HOÀNG XUÂN LONG^(*)

Bài viết giới thiệu một cách khái quát các văn bản có tính pháp lý về nhiệm vụ của khoa học - công nghệ trong nghiên cứu và phát triển ở thời kỳ đổi mới. Đó cũng chính là những định hướng và nguyên tắc để xác định nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển của các cấp từ địa phương, cơ sở và trung ương. Khi nêu ra một số nhận xét về thực trạng của sự phối hợp trong việc xác định các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu và phát triển giữa các cấp trong thời gian qua, bài viết đã đề cập đến những hiện tượng, những yếu kém và cả những nguyên nhân của chúng; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những hiện tượng và yếu kém đó.

Ý nghĩa và nhiệm vụ của hoạt động nghiên cứu và phát triển (NC&PT) nói chung là giải thích thế giới và cải tạo thế giới. Đồng thời, tùy theo khung cảnh mà hoạt động NC&PT hướng vào phục vụ những mục tiêu cụ thể.

Ở Việt Nam, nhiệm vụ của NC&PT trong sự nghiệp đổi mới đã được nêu trong Nghị quyết số 26- NQ/TW, ngày 30/3/1991 của Bộ Chính trị *Về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới*, được nhấn mạnh lại ở Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VIII) *Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000*, Luật Khoa học và Công nghệ và Chiến lược

phát triển KH&CN Việt Nam. Các nhiệm vụ đã xác định trong Nghị quyết của Đảng, Luật Khoa học và Công nghệ... là chung cho cả cấp quốc gia, địa phương và cơ sở. Đó là định hướng và nguyên tắc để các cấp xác định nhiệm vụ NC&PT của mình cho phù hợp. Ở cấp quốc gia, phải lựa chọn ra những ưu tiên chung cho cả nước, bao gồm nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương khác nhau. Ở cấp địa phương phải xác định rõ vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và mục tiêu phát triển của địa phương. Hoạt động NC&PT địa phương cũng có nhiệm vụ đặc thù tùy theo ưu tiên của địa phương được xác định trên cơ sở tình

^(*) TS., Viện Chiến lược, chính sách khoa học và công nghệ

hình hoạt động và chiến lược phát triển của mỗi địa phương. Đồng thời do nhiệm vụ cuộc sống đặt ra cho NC&PT rất to lớn, bản thân hoạt động NC&PT khá phức tạp, tiềm lực NC&PT của mỗi cấp lại hạn chế, nên cần có mối quan hệ phối hợp thống nhất hoạt động NC&PT của các cấp. Có thể khẳng định, hiệu quả hoạt động NC&PT nói chung và của mỗi cấp phụ thuộc vào quan hệ phân công, phối hợp giữa chúng.

Trong thực tế, nhiều địa phương đã rất cố gắng xác định nhiệm vụ KH&CN phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình và phối hợp tốt với cấp quốc gia. Tập trung vào các nghiên cứu ứng dụng và những vấn đề sát với tình hình thực tế của địa phương cũng là điểm nhấn mà các địa phương thường nói đến khi đánh giá tình hình đổi mới đã qua (1, tr.33; 2, tr.5; 3, tr.22). Tuy nhiên, hiện vẫn còn có những biểu hiện của sự thiếu phối hợp giữa địa phương và quốc gia.

Trước hết, trong hệ thống nhiệm vụ KH&CN các tỉnh, thành đang có một bộ phận đề tài nghiên cứu vượt quá tầm của địa phương như đảng viên làm kinh tế tư nhân, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, nâng cao vai trò tổ chức và hoạt động công đoàn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá, cơ sở khoa học về xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo - y tế trong thời kỳ đổi mới, cơ sở khoa học xác định cơ cấu ngạch công chức - cơ cấu định biên cơ quan hành chính nhà nước, nghiên cứu giải pháp hạn chế nghiện thuốc lá, nghiên cứu giải pháp chống các bệnh tăng huyết áp cho cộng đồng dân cư, nhiễm vi rút viêm gan c, ung thư phế quản, viêm tụy cấp,... Đó là những vấn đề ở tầm chung, còn chưa được cấp trung ương giải quyết. Có thể nêu một số ví dụ:

Đề tài “Đổi mới nâng cao chất lượng lãnh đạo của tổ chức Đảng xã, phường, thị trấn và tổ chức cơ sở Đảng trong công ty cổ phần ở Tỉnh Yên Bái” (Yên Bái - 2003); Đề tài “Nghiên cứu cơ cấu thành viên gia đình truyền thống và gia đình kiểu mới để đề xuất giải pháp xây dựng gia đình hiện đại bền vững cho quá trình hội nhập” (Cà Mau - 2004 đến 2005), có mục tiêu “điều tra sinh hoạt các gia đình truyền thống, điều tra gia đình mới, nghiên cứu các mối quan hệ trong gia đình”, dự kiến kết quả đạt được “đề xuất khuôn mẫu gia đình hiện đại”; Đề tài “Nghiên cứu thị hiếu âm nhạc ảnh hưởng đến chất lượng học tập của học sinh cấp 3 và đề xuất giải pháp” (Cà Mau - 2004 đến 2005); “Nghiên cứu và chuẩn đoán sớm bệnh ung thư tử cung ở phụ nữ đã có chồng bằng phương pháp soi cổ tử cung” (Yên Bái - 2003); “Xây dựng mô hình tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” (Vĩnh Phú - 2004); Đề tài “Thực trạng và giải pháp hoạt động đào tạo các trường dân tộc nội trú tỉnh Bình Phước”, có nội dung “làm rõ thực trạng giáo dục, đào tạo của tỉnh Bình Phước, đề xuất các giải pháp khả thi giúp Bộ Giáo dục - Đào tạo và cơ quan quản lý có sự hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng giúp cho các em dân tộc hội nhập bình đẳng với cộng đồng”.

Trong việc xác định đề tài, dự án còn hạn chế về phối hợp giữa NC&PT địa phương và quốc gia đã dẫn tới hiện tượng còn trùng lặp giữa đề tài cấp địa phương và đề tài cấp quốc gia và đề tài giữa các địa phương. Mặt khác cũng dẫn tới hiện tượng thường được nói đến là tản mạn, thiếu tập trung trong hệ thống nhiệm vụ KH&CN của từng địa phương. Cần cụ thể ở đây phân gây nên tản mạn thực chất là hệ thống đề tài địa phương bị gán cho cả trách nhiệm phải giải quyết cả những vấn

đề của quốc gia hoặc lẽ ra quốc gia làm (ngay cả trường hợp những vấn đề mà nhiều địa phương có nhu cầu thì quốc gia cũng nên đảm nhiệm nghiên cứu...). Sự tản mạn thực chất còn là không tập trung vào những vấn đề không khả thi đối với địa phương - những vấn đề dựa trên cơ sở kết quả nghiên cứu của cấp quốc gia.

Hạn chế trong việc phối hợp giữa địa phương và trung ương còn thể hiện cả trong xét duyệt đề tài và nghiệm thu đề tài địa phương. Trong một số không ít đề cương nghiên cứu (đã được xét duyệt), báo cáo kết quả nghiên cứu, đánh giá của Hội đồng nghiệm thu đề tài địa phương, có thể thấy hiện diện của những phương pháp nghiên cứu, nội dung nghiên cứu và kiến nghị giống như đề tài cấp quốc gia. Những kiến nghị từ đề tài địa phương đối với trung ương có thể hợp lý ở chỗ vấn đề vướng mắc của địa phương có liên quan tới chính sách chung tầm quốc gia và là kiến nghị thực tế của địa phương đối với chủ trương chung của toàn quốc. Tuy nhiên, ở đây cũng sẽ phản ánh hạn chế trong sự phối hợp nghiên cứu giữa các cấp: các giải pháp tháo gỡ tầm quốc gia chưa được giải quyết khiến các địa phương phải nghiên cứu *quá sâu, quá nhiều và hệ thống* những vấn đề chung.

Ví dụ, trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, y tế giai đoạn 1996 - 2000, loại kiến nghị giải pháp trực tiếp dành cho cấp trung ương có mặt tại 27% đề tài ở Hà Tĩnh và 60% đề tài ở Cần Thơ. Xin nêu một số ví dụ: Đề tài “Củng cố và phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn tỉnh Cần Thơ” (tiến hành 1997-1998) đưa ra kiến nghị đối với trung ương: Cần hình thành bộ máy thông suốt từ trung ương đến xã chuyên quản lý kinh tế hợp tác, hợp tác xã; áp dụng chế

độ miễn thu học phí và tài liệu đối với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã; Biên soạn chương trình đào tạo thống nhất để giúp các tỉnh có cơ sở đào tạo cán bộ phục vụ phát triển hợp tác xã (2, tr.107); Đề tài “Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác tôn giáo phục vụ CNH, HĐH tỉnh Cần Thơ” (tiến hành 1998) đưa ra kiến nghị đối với trung ương: Cần xây dựng chiến lược công tác tôn giáo nói chung và chiến lược đối với từng tôn giáo nói riêng (2, tr.112); Đề tài “Vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong thực hiện phương châm ”dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” qua hơn 10 năm đổi mới ở tỉnh Cần Thơ” (tiến hành 1998) đưa ra kiến nghị đối với trung ương: Nghiên cứu đưa vào chương trình xây dựng Luật của Quốc hội khoá tới các nội dung: Luật Mặt trận Tổ quốc, Luật Thanh niên, Luật Lập hội để thể chế hoá tổ chức, hoạt động các quyền của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân, thể hiện rõ vai trò đại diện cho lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của nhân dân của các tổ chức này; Biên soạn tài liệu tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng; v.v... (2, tr.139).

Việc thiếu phối hợp nghiên cứu với cấp quốc gia đã ảnh hưởng tới chất lượng của các công trình nghiên cứu địa phương. Do đồng thời phải nghiên cứu cả những vấn đề lý luận cơ bản ở phạm vi chung và vấn đề thực tiễn địa phương nên các đề tài khó có điều kiện tập trung (thời gian, công sức, kinh phí) vào những nội dung cụ thể nhất định. Đang tồn tại cái bẫy mà các đề tài địa phương dễ bị mắc phải: khi định hướng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn thì dường như thiếu cơ sở lý luận; khi chú trọng vào nghiên cứu lý luận thì tỏ ra hời hợt và sao nhãng các vấn đề thực tế của địa phương.

Dưới đây xin nêu lên một số giải pháp nhằm tăng cường sự phối hợp hoạt động NC&PT giữa cấp địa phương và cấp quốc gia:

Một là, bản thân hoạt động NC&PT trung ương phải đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của NC&PT địa phương. Đây là điều kiện tiên quyết để có được sự phối hợp cần có nhiều nhiệm vụ KH&CN hướng về địa phương, chất lượng của các công trình nghiên cứu phải cao, và chỉ nên tập trung giải quyết các vấn đề ở tầm nguyên lý, có ý nghĩa nền tảng cho các nghiên cứu địa phương.

Nhấn mạnh chỉ tập trung giải quyết vấn đề ở tầm nguyên lý sẽ giảm đi sức ép bắt buộc các nghiên cứu cấp trung ương phải tạo ra những ứng dụng quá cụ thể. Vừa qua trong tổng kết các chương trình KH&CN cấp nhà nước giai đoạn 1996 - 2000, một số đề tài đã nêu lên kết quả nổi bật của mình là có thiết bị máy móc dùng trong một hoặc một vài doanh nghiệp cụ thể, nhưng lại thiếu hẳn các kết quả nghiên cứu mở đường cho hoạt động NC&PT địa phương. Tình hình này cũng được phản ánh trong nhiều tổng kết tương tự khác.

Nếu nghiên cứu trung ương tạo ra nhiều sản phẩm cụ thể và tạo ra ít nguyên lý giải quyết các vấn đề cụ thể, thì đối với nghiên cứu địa phương sẽ là vừa thừa, vừa thiếu. Nói cách khác, hoạt động của cấp trung ương đã trùng lặp với cấp địa phương. Đó là điều cần thay đổi bởi nó làm yếu NC&PT trung ương và ảnh hưởng tiêu cực tới NC&PT địa phương.

Hai là, ngoài việc giải quyết các vấn đề ở tầm chung quốc gia và tạo ra những nguyên lý có ý nghĩa đầu vào cho NC&PT địa phương, NC&PT trung ương còn phải

trực tiếp hỗ trợ địa phương trong một số trường hợp sau:

- Các hoạt động NC&PT cần thiết cho phát triển địa phương nhưng do tiềm lực có hạn nên địa phương không đủ sức tiến hành.

- Các hoạt động NC&PT có nhiều địa phương dự kiến tiến hành (để dẫn tới trùng lặp về đầu tư)^(*) (4).

Đối với dạng những vấn đề này, cấp trung ương nên xem xét việc đứng ra tổ chức nghiên cứu. Nếu để các địa phương thực hiện thì sự trùng lặp đề tài sẽ không tránh khỏi ngay cả khi thiết lập thông tin về danh mục vấn đề đã được nghiên cứu trên phạm vi cả nước (đó là biện pháp đang được nhiều người trông đợi) bởi sẽ có những lý do nêu ra như: không dễ chia sẻ kết quả nghiên cứu của địa phương khác, chất lượng nghiên cứu của địa phương khác thấp không đáng để địa phương mình tin cậy và áp dụng,...

Ở đây, địa phương cũng có vai trò rất quan trọng qua việc chủ động đề xuất và thuyết minh vấn đề nghiên cứu với cấp trung ương, tích cực phối hợp trong quá trình tiến hành nghiên cứu.

Về hình thức tổ chức hoạt động nghiên cứu, đây có thể là các chương trình phối hợp nghiên cứu giữa trung

^(*) Vừa qua có những vấn đề xuất hiện đồng thời trong hệ thống đề tài, dự án năm 2003-2004 của một số địa phương là: Xây dựng mô hình quản lý điện nông thôn; Phát triển ong mật đỏ; Vai trò phụ nữ trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội đồng bào dân tộc thiểu số miền núi; Tương quan cân bằng nước và đề xuất giải pháp cấp nước cho vùng đất cát ven biển; Nâng cao năng lực điều hành của chính quyền cấp xã; Giáo dục nâng cao ý thức cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh; Mô hình canh tác phù hợp với đất dốc; Quy chế dân chủ ở cơ sở; Xây dựng các giải pháp kỹ thuật sản xuất rau sạch; Tình trạng học sinh bỏ học; Giải pháp bồi dưỡng cán bộ chủ chốt xã, phường phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH; Phân tích đánh giá tình trạng nghèo đói và giải pháp khắc phục,...

ương và địa phương.

Ba là, quán triệt nguyên tắc kế thừa kết quả nghiên cứu của trung ương trong NC&PT địa phương bằng các biện pháp:

- Làm căn cứ để xác định nhiệm vụ KH&CN và trong thuyết minh đề cương nghiên cứu phải chỉ rõ khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu từ các nhiệm vụ KH&CN cấp trung ương.

- Loại bỏ những nhiệm vụ KH&CN và thuyết minh đề cương nghiên cứu nhằm vào giải quyết những vấn đề đang được cấp trung ương tiến hành nghiên cứu (chưa ra kết quả) hoặc những vấn đề lý luận, nguyên lý vốn thuộc về cấp trung ương nghiên cứu.

- Có sự tham gia của các chuyên gia thực hiện nghiên cứu ở trung ương trong thành phần Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ và Hội đồng tuyển chọn người thực hiện nhiệm vụ KH&CN địa phương có liên quan.

Hiện nay trong một số văn bản quy phạm pháp luật và kiến nghị nghiên cứu có nhấn mạnh các tỉnh, thành phải căn cứ vào hướng KH&CN trọng điểm, ưu tiên của Nhà nước để xác định chương trình, đề tài KH&CN cấp tỉnh, thành... Trong trao đổi với tác giả, đã có phản ứng của một số đại diện sở KH&CN về điều này: ở trung ương có quá nhiều Chương trình (KC, KX,...) nếu địa phương bám vào đó thì không xong, nói các tỉnh, thành phải căn cứ vào hướng KH&CN trọng điểm, ưu tiên của Nhà nước để xác định chương trình, đề tài KH&CN cấp tỉnh, thành thì chỉ đúng 50%... Thiết nghĩ, nếu chính xác hoá các quy định này là “căn cứ vào kết quả nghiên cứu” sẽ có tác dụng giảm bớt hiện tượng địa phương xây dựng nhiệm

vụ KH&CN trùng lặp với trung ương.

Bốn là, trong các nhiệm vụ KH&CN địa phương không đặt mục tiêu và không khuyến khích việc đề xuất các giải pháp ở tầm quốc gia. Những kiến nghị đối với trung ương, nếu có thì nên là kiến nghị về vấn đề đặt ra cần nghiên cứu, thay vì kiến nghị giống với kết quả của các công trình nghiên cứu mà trung ương đã tiến hành.

Ngoài ra cũng cần lưu ý rằng, giữa NC&PT địa phương và NC&PT trung ương vẫn có sự độc lập nhất định. Một khía cạnh của sự độc lập này là nhiều trường hợp NC&PT địa phương kế thừa các kết quả nghiên cứu trực tiếp từ thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Khiển. Hà Nội - sau một năm thực hiện Nghị quyết trung ương 2.- Tạp chí Hoạt động Khoa học, 1998, No 2.
2. UBND tỉnh Cần Thơ, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Cần Thơ. Tuyển tập các công trình nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ và môi trường tỉnh Cần Thơ, giai đoạn 1996 - 2000. Cần Thơ, 2001.
3. Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Hải Phòng. Kỷ yếu hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH&CN Thành phố Hải Phòng giai đoạn 1996 - 2000, Hải Phòng, 2001.
4. Báo cáo tình hình hoạt động khoa học - công nghệ năm 2003 và kế hoạch năm 2004 của các Sở Khoa học - Công nghệ thành phố, tỉnh (Tài liệu của Bộ Khoa học - Công nghệ).